

VIỆN PHỤ DENNIS FARKASFALVY

23 tháng Sáu, 1936 – 20 tháng Năm, 2020

Nhà thơ người Đức Rainer Maria Rilke trong *Sonnets to Orpheus*, một trong các tác phẩm của ông được Viện Phụ Denis xuất bản bằng tiếng Hungary, đã ca ngợi Orpheus như sau: “Trái tim ông là thứ nước ép dễ hư cho rượu vĩnh cửu của con người,” và ông đã khích lệ chính trái tim mình trong vần thơ khác, “Dù anh là gì trong thâm sâu /(ngay cả trong một giây phút của cuộc đời đầy đau khổ),/ hãy biết rằng tất cả đều có ý nghĩa, một tấm thảm tuyệt vời.” Đối với nhiều người, Viện Phụ Denis sống những lời ngài thấu hiểu, mang đến sự thật trái tim chúng ta khắc khoải và gói ghém cuộc đời của ngài và chúng ta trong tấm thảm tuyệt vời đó.

Viện phụ Denis (Miklos) Farkasfalvy sinh ra ở Hungary vào ngày 23 tháng Sáu năm 1936 trong thành phố cổ kính Szekesfehervar, con trai thứ của ông Istvan và bà Maria Knazovizky Farkasfalvy (các anh chị em gồm Istvan, Gyorgy, Maria.) Ngài nhập Dòng Cistercian ở Zirc, Hungary vào ngày 19 tháng Ba, 1955 lúc 18 tuổi, và sống nghiêm ngặt đời tu trì trong 65 năm, cho tới lúc qua đời ở Dallas, Texas vào ngày 20 tháng Năm, 2020.

Viện phụ Denis say mê đời tu Cistercian rất sớm. Ngài và các anh em ngài được các thầy Cistercian dạy dỗ trong làng quê của ngài cho đến khi trường học của họ bị đóng cửa vào năm 1948. Mới đầu ngài thăm viếng tu viện ở Zirc nhân ngày lễ mừng Phục Sinh năm 1949 khi chưa đầy 13 tuổi và tu viện cũng bị đe dọa đóng cửa từ chính quyền được Liên Xô hậu thuẫn. Kinh nghiệm này ảnh hưởng ngài sâu sắc và ngài cương quyết trở thành một thầy tu, một linh mục, và thầy giáo như những thầy ngài thấy ở đó, và ngài đã viết “Đó là một quyết định tôi không bao giờ thấy có lí do để thắc mắc hay hối tiếc... Theo cách nào đó, hai ngày này đã hình thành phần cuộc đời còn lại của tôi.”

Các trường Cistercian ở Hungary bị đóng cửa, nhưng Tu Viện Biển Đức 1000 tuổi của Pannonhalma vẫn mở, và Thầy Denis theo học trung học ở đó với tư cách một Hiến sĩ của Zirc. Chương trình học giỏi dào, phong cách đan sĩ, và giáo hội đầy vẻ quyến rũ giúp ngài tăng trưởng đời sống tâm linh. Tu viện Zirc bị đóng cửa vào ngày 15 tháng Mười năm 1950, nhưng vào năm 1955 Thầy Denis nhập dòng tu ẩn do một linh mục thánh thiện và khôn ngoan, Cha Lawrence ‘Sigmond, Đan Viện Phụ, lúc đó đang bị cầm tù. Cha Denis theo đuổi việc đào tạo thành đan sĩ ở Budapest, dưới danh nghĩa là một sinh viên Luật (điểm B duy nhất của Ngài là khi lấy lớp bắt buộc về chủ nghĩa Mác Lê.)

Với cách đó Cha Denis tiếp tay trong phong trào phản kháng to lớn của sinh viên vào tháng 10 năm 1956 đánh dấu sự sụp đổ của sự thống trị Xô Viết lên tổ quốc của ngài. Trong khoảng thời gian ngắn đó, đan viện trưởng của Zirc được phóng thích ra khỏi tù, và với sự khích lệ của Cha Lawrence, ngài đã gửi các tu sinh trẻ ra nước ngoài, mặc dù mới được huấn luyện, trong khi quan ngại rằng các thầy sẽ không được theo học và phong chức ở Hungary. Do đó, khi mới được 20 tuổi và chỉ mới được khẩn lần đầu, Thầy Denis hành trình qua Áo để đến La mã cùng các bạn. Ở đó từ 1956-1962, ngài hoàn tất chương trình thần học tại Giáo Hoàng Học Viện Thánh Anselm.

Thầy Denis tận tụy học thần học. Về sau, ngài hoàn tất thêm một văn bằng về Kinh Thánh tại Học Viện Kinh Thánh La mã (1974-75, 1984-85), mặc dù với bao nhiêu sự gián đoạn vì công việc trong trường và tu viện ở Dallas. Ngài trở thành một thần học gia tên tuổi, và công trình cả đời ngài dành cho Thánh Bê na đô của Clairvaux, Đức Trinh Nữ Maria, và Thánh Kinh đã để những dấu ấn đáng kể trên nền thần học

Công giáo. Ngài xuất bản nhiều tác phẩm về thần học bằng tiếng Hung và tiếng Anh, và khả năng của ngài giúp ngài được Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II chú ý và đề bạt vào Ủy Ban Giáo Hoàng về Thánh Kinh (2003-2013). Bản dịch Thánh Ca và Thánh Vịnh cho Kinh Nhật Tụng La mã bằng tiếng Hung của ngài được đánh giá cao. Ngài giúp hình thành chương trình thần học tại Trường Sơ Đẳng Cistercian và dạy tại Đại Học Dallas vào những năm 1960, và sâu đậm hơn sau năm 2004 trở đi. Ngài coi đó là công tác quan trọng mà ngài chia sẻ với các đan sĩ khác để giúp trường đại học mới này đi vào sự đổi mới vĩ đại của nền thần học Công giáo sau Công Đồng Vatican Hai.

Nhưng so với các lao công khác, công trình thần học của ngài thường được ít quan tâm. Khi Cha Denis tới Texas vào năm 1962, ngay sau khi được phong chức linh mục tại Đan Viện Lilienfeld ở Áo vào ngày 9 tháng Bảy năm 1961, ngài đi Fort Worth, ở đó ngài làm linh hướng cho các nữ tu Dòng Đức Mẹ Namur (là những người giúp ngài học tiếng Anh) và theo học bằng Cao Học Toán ở TCU – tất cả vì Trường Sơ Đẳng Cistercian. Cha Denis hoàn tất văn bằng vào năm 1965 và dạy toán hơn 40 năm, không chỉ là công việc nhưng còn để nắm cơ hội nhìn thấu vào tâm linh của mỗi sinh viên. Trong cách này và vô số cách khác Cha Denis chứng tỏ ngài có tài năng vượt bậc của một cá nhân và một người hết sức tận tụy trong vâng phục vì lợi ích của cộng đoàn.

Cha Denis phục vụ làm phó học sư trường Cistercian từ năm 1969 đến 1974 và 1975 đến 1981, và là Học Sư các lớp 1974, 1981, 1982, và 1991. Ảnh hưởng lâu dài của công việc của ngài tại trường không thể nói hết được. Mặc dù ngài không sáng lập trường, nhưng cung cách thông minh, mạnh mẽ, sâu sắc và quyết đoán của ngài giúp giải quyết bầu khí lạc long bối rối và cho phép ngài truyền đạt những tư tưởng cao siêu mà ngài và cộng đoàn đã hình dung cho nền giáo dục. Dưới sự điều hành của ngài ngôi trường lần đầu tiên đạt được công trình đầu tiên, không chỉ là cảm thức như ví dụ xây được một phòng tập thể dục và mượn được một số thầy giáo giỏi ở lại trong hàng thập niên, nhưng còn là một cảm thức sâu sắc hơn về việc tu dưỡng ý nghĩa về Học Đoàn và trường. Việc ngài đặt nền móng cho các thể hệ hiệu trưởng mai sau gặp không ít khó khăn. Với kinh nghiệm Cha Denis biết sự tận tụy cho giới trẻ quan trọng thế nào, và với những cản trở và sự trợ giúp của những cá nhân ưu việt tại Dallas và những nơi khác, ngài vượt qua các khó khăn khôn lường của các bậc tiền nhiệm để bảo toàn truyền thống Cistercian Hungary trong mục vụ tu sĩ và giáo dục.

Cộng đoàn đan sĩ Dallas bầu Cha Denis làm viện phụ thứ hai vào ngày Phục Sinh mừng 4 tháng Tư năm 1988; ngài phục vụ trong bốn nhiệm kỳ cho tới khi thoái chức vào năm 2012. Khi Cha Denis trở thành viện phụ, tương lai của đan viện vẫn còn không chắc chắn. Một số thanh niên gia nhập trong các thập kỷ trước, và với sự mở cửa lại của nhà mẹ ở Zirc vào năm 1989, các người Hungary không chắc sẽ ở lại đây. Nhưng Cha Denis biết chắc chắn cương vị của ngài là xây dựng một nhà trường tồn theo viễn kiến đã linh hứng những người tị nạn Hungary lúc khởi đầu. Ngài hướng dẫn công trình của các cựu sinh viên để hoàn tất công trình cơ bản của đan viện bằng việc xây dựng ngôi giáo đường Abbey xinh đẹp. Khi các viên đá vôi nặng 2 tấn được đặt chồng lên nhau, điều trở nên rõ ràng cho mọi người là ai đó muốn nơi này được tiếp tục tồn tại.

Cái nhìn mới này và sự tự tin bắt đầu sinh hoa trái trong việc đổi mới nội bộ của cộng đoàn đan viện. Trong năm 2002-2003, ít lâu sau lễ mừng năm thứ 10 nguyện đường được thánh hiến, đan viện nhận được một nhóm gồm hơn một tá ơn gọi các thanh niên đến từ trường Sơ Đẳng, Đại Học Dallas và những nơi khác. Cha Denis quy kết sự lớn mạnh này vào không chỉ sự sẵn sàng của các tu sĩ hướng về một tương lai sáng sủa hơn, mà còn vào sự bầu cử của Cha Lawrence 'Sigmond và sự hi sinh (kể cả tử đạo) của vô số các tu sĩ Hungary vào thế kỷ 20.

Viện phụ Denis đã có thể nhìn qua toàn cảnh lịch sử to lớn và những lý tưởng cao nhất mà không bao giờ đánh mất con người thiết thực cách mãnh liệt; ngài không cho bản thân và người khác cơ hội để trở nên mơ ngủ hay lo lắng về những nản lòng có thể xảy ra. Trong sách lịch sử của đan viện và trường học mà ngài viết trước khi qua đời, ngài kết luận, “Việc tìm kiếm cho sự vượt trội phải được làm với con mắt tò mò và kiểm tra cẩn thận, cấm ngắt mọi xu hướng cực đoan.... Cùng khoảng cách với sự hoàn mỹ mang tính hủy diệt và sự sùng bái con người tầm thường, cách hoàn hảo làm vui lòng Chúa là một *môi trường xuyên xấu* trong đó sự khiêm hạ và tình yêu được thực hành qua việc bắt chước Đức Ki tô.” Không ai đã gặp Cha Denis mà không có ấn tượng về ngài, như lời Thánh Bê na đô, ngài là *amore terribilis, terrore amabilis*, khiếp sợ trong tình yêu của ngài, đáng yêu trong sự đáng sợ. Ngài không ngại cố gắng mang vào hiện thực cái nhìn về hòa bình khi ngài lần đầu tiên thăm viếng Zirc khi còn là một cậu bé, để truyền đạt và hoàn thiện những gì tốt nhất trong đời sống Cistercian, và tự cố gắng hiến bản thân một cách rộng lượng cho bao linh hồn tìm thấy một người cha, người anh, người bạn nơi ngài. Ngài trở thành một nhân chứng thuyết phục cho sự thật của Ki tô giáo và vẻ đẹp của đời sống đan viện. Qua ngài Thiên Chúa đã để lại một cách không nghi ngờ một dấu ấn quan trọng trên đan viện, trường học, và đại học, trên toàn thành phố Dallas (ngài đoạt giải Catholic Foundation Award trong năm 2016), trên nền thần học trên toàn thế giới, trên Giáo Hội cách chung, trên lịch sử của toàn Tu Hội, và trên vô số cá nhân.

Cha Denis qua đời để lại người em gái Maria (Marika), mà ngài luôn gần gũi, các cháu gái và cháu trai Miklos, Istvan, Margaret, Kinga và Zsolt. Ngài đã thường xuyên thăm viếng cháu trai Miklos và luôn theo dõi công việc của ông như một nhà phê bình văn hóa.

Cha Denis qua đời vì Covid-19 vào ngày 20 tháng Năm năm 2020, sau khi vật lộn với những biến chứng từ những bệnh tật, tăng cường bởi việc nhiễm virus mới vài ngày trước. Tại quê hương các tu sĩ cầu kinh Mân Côi để ngài được ra đi bình an, và ngài được đồng hành tới cùng với các tu sĩ thăm viếng qua khung cửa sổ bệnh viện.

Chuỗi Kinh Mân Côi sẽ bắt đầu lúc 7:30 chiều Chúa Nhật ngày 24 tháng Năm ở Đan Viện, và lễ an táng vào ngày thứ Hai, 25 tháng Năm, lúc 2:00 trưa, sau đó là lễ chôn cất trong tầng hầm của Đan Viện. Vì hoàn cảnh hiện tại, các nghi thức này không mở cho công chúng nhưng được truyền sóng cho mọi người trên kênh You Tube CistercianDallas. Chi tiết về một họp mặt sẽ được thông báo sau.